Ký bởi: Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định

Phụ lục

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN BỔ SUNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NAM ĐỊNH

(Kèm theo Quyết định số: 881/QĐ-UBND ngày 26/4/2024 của UBND tỉnh Nam Định)

Đơn vị tính: ha

Số TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Vị trí bản đồ địa chính		Tổng diện tích	Sử dụng từ các loại đất																Ghi chú
			Số tờ	Số thửa		LUC	LUK	ONT	BHK	CLN	NTS	NTD	DGD	TMD	DGT	DTL	DCH	MNC	SKX	PNK	DNL	
1	**Đất cụm công nghiệp**				**70,07**	**67,50**									**0,98**	**0,82**		**0,77**				
	Huyện Nam Trực				0,07	0,07																
	Mở rộng cụm công nghiệp tập trung Đồng Côi (đợt 2)	TT Nam Giang	2	20	0,07	0,07																Văn bản số 801/TTg-NN ngày 03/7/2019 của TTCP v/v CMĐ SDĐ trồng lúa
	Huyện Mỹ Lộc				70,00	67,43									0,98	0,82		0,77				
	Cụm công nghiệp Mỹ Thuận	xã Mỹ Thuận	Nhiều tờ	Nhiều thửa	70,00	67,43									0,98	0,82		0,77				NQ30 ngày 09/4/2024
2	**Đất ở**				**34,75**	**25,29**	**0,24**	**0,42**	**0,47**	**1,61**	**3,48**		**0,11**	**0,10**	**0,50**	**0,87**		**1,58**		**0,07**	**0,01**	
2.1	**Đất ở đô thị**				**1,61**				**0,1**	**0,8**	**0,6**			**0,1**							**0,01**	
	Huyện Trực Ninh				0,01																0,01	
	Đấu giá QSDĐ cho nhân dân làm nhà ở	TT Cổ Lễ	4	618	0,01																0,01	QĐ600/ĐCQH
	Thành phố Nam Định				1,6				0,1	0,8	0,6			0,1								
	Chuyển mục đích sử dụng đất vườn, ao trong khu dân cư sang đất ở	Các phường: Lộc Hòa, Cửa Nam, Mỹ Xá, Lộc Hạ, Lộc Vượng, Thống Nhất	Nhiều tờ	Nhiều thửa	1,6				0,1	0,8	0,6			0,1								
2.2	**Đất ở nông thôn**				**33,14**	**25,29**	**0,24**	**0,42**	**0,37**	**0,81**	**2,88**		**0,11**		**0,50**	**0,87**		**1,58**		**0,07**		
	Huyện Nam Trực				1,49	0,92	0,24		0,17		0,09		0,04					0,03				
	Đất ở nông thôn (khu vực xóm Nam Tây, xã Nam Toàn)	xã Nam Toàn	4	1913, 1912, 1357	0,17	0,17																NQ30(09/4/2024)TH NQ31(09/4/2024)CMĐ
	Đất ở nông thôn (xã Tân Thịnh)	xã Tân Thịnh	9	3734, 3733	0,07	0,07																NQ31(09/4/2024)CMĐ
	Đất ở khu vực xóm Hồng Phong	xã Nam Thắng	1	301	0,02													0,02				
	Đất ở khu vực thôn Dứa Thự	xã Hồng Quang	10	4187; 4188	0,20	0,20																NQ31(09/4/2024)CMĐ
	Đất ở khu vực thôn Thị	xã Hồng Quang	8	3655	0,12	0,12																NQ31(09/4/2024)CMĐ
	Đất ở khu vực thôn Lạc Tiền	xã Hồng Quang	10	4259	0,03	0,03																NQ31(09/4/2024)CMĐ
	Đất ở khu vực thôn Bàn Thạch	xã Hồng Quang	13	5873	0,03						0,03											
	Đất ở nông thôn (Trước nhà văn hóa Tây Đầm)	xã Nam Dương	16	36	0,03				0,03													
	Đất ở nông thôn (Khu Quán núi - Xóm 5)	xã Nam Dương	5	57, 58	0,02	0,01												0,01				NQ31(09/4/2024)CMĐ
	Đất ở nông thôn (Khu dược mạ cũ - thôn Tây Đầm)	xã Nam Dương	15	34	0,07	0,07																NQ31(09/4/2024)CMĐ
	Đất ở nông thôn (Đối diện Đầm)	xã Nam Dương	16	61	0,10				0,10													
	Đất ở nông thôn (Đông Đầm, trước nhà ông Nguyệt)	xã Nam Dương	14	37	0,04				0,04													
	Đất ở nông thôn (Xóm 7, Tây nhà ông Hoàn)	xã Nam Dương	19	106, 75	0,14		0,14															NQ31(09/4/2024)CMĐ
	Đất ở nông thôn (Xóm 7)	xã Nam Dương	19	76	0,10		0,10															NQ31(09/4/2024)CMĐ
	Đất ở khu vực thôn Quyết Tiến 1+ Hồng Phong	xã Nam Thanh	25	172, 173, 174	0,25	0,25																NQ31(09/4/2024)CMĐ
	Đất ở khu vực thôn Du Tư	xã Nam Thanh	27	76	0,06						0,06											

Số TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Vị trí bản đồ địa chính		Tổng diện tích	Sử dụng từ các loại đất																Ghi chú
			Số tờ	Số thửa		LUC	LUK	ONT	BHK	CLN	NTS	NTD	DGD	TMD	DGT	DTL	DCH	MNC	SKX	PNK	DNL	
	Đất ở thôn Trí An	xã Nam Hoa	2	2182	0,04								0,04									
	Huyện Trực Ninh				0,15	0,15																
	Xây dựng điểm TĐC phân tán Ả Vang	xã Liêm Hải	5	2827	0,15	0,15																NQ30(09/4/2024)TH NQ31(09/4/2024)CMĐ
	Huyện Ý Yên				2,07			0,42			0,30							1,35				
	Khu dân cư tập trung Tướng Hạc xã Yên Trị	xã Yên Trị	11	63	1,45						0,1							1,35				NQ 30 (09/4/2024)
	Đấu giá QSD đất cho nhân dân làm nhà ở	xã Yên Phong	43	209, 244	0,20						0,2											
	Đấu giá QSD đất khu TĐC xã Yên Khang	xã Yên Khang	Từ Lô CL02-19 đến CL02-25; Lô số 3 (13); Lô số 4 (01, 02, 09, 10, 11, 12, 13)		0,32			0,32														
	Đấu giá QSD đất khu tái định cư xã Yên Đồng	xã Yên Đồng	Từ lô CL1-01 đến lô CL1-04		0,04			0,04														
	Đấu giá QSD đất khu Tái định cư xã Yên Tiến	xã Yên Tiến	Từ lô CL-03 đến CL-05		0,06			0,06														
	Huyện Xuân Trường				5,44	4,88					0,32		0,07		0,05	0,05				0,07		
	Điểm tái định cư và đấu giá QSDĐ Vị trí 1	xã Xuân Đài	4	23, 220	0,20	0,20																NQ thu hồi đất số 08/NQ- HĐND ngày 13/3/2024 của HĐND tỉnh; NQ CMĐ số 136/NQ-HĐND ngày 09/12/2023 của HĐND tỉnh; Phục vụ GPMB Đường cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng đoạn qua tỉnh Nam Định và Thái Bình
	Điểm tái định cư và đấu giá QSDĐ Vị trí 3	xã Xuân Đài	4	41, 221	0,20	0,13														0,07		
	Tái định cư phân tán và đấu giá QSDĐ Vị trí 2	xã Xuân Tân	8	nhiều thửa	0,39	0,37									0,01	0,01						
	Tái định cư và đấu giá QSDĐ	xã Xuân Thủy	5	53, 97	0,13	0,13																
	Tái định cư phân tán phục vụ GPMB	xã Xuân Tân	8	80, 132,133, 134 (tương ứng thửa 189,188,187 bản đồ DĐĐT)	0,75	0,75																Phục vụ GPMB Đường cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng đoạn qua tỉnh Nam Định và Thái Bình
	Tái định cư phân tán phục vụ GPMB	xã Xuân Tân	14	211, 212	0,17	0,17																
	Tái định cư phân tán phục vụ GPMB	xã Xuân Thành	15	114, 160, 162	0,72	0,72																
	Tái định cư phân tán phục vụ GPMB	xã Xuân Thủy	19	91, 93	0,69	0,69																
	Tái định cư phân tán phục vụ GPMB	xã Xuân Đài	8	13, 16, 17, 29, 41, 42, 43, 161	0,60	0,56									0,02	0,02						Phục vụ GPMB Đường cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng đoạn qua tỉnh Nam Định và Thái Bình
	Tái định cư phân tán phục vụ GPMB	xã Xuân Đài	8, (9)	71, 88; (44, 42, 45)	0,03	0,03																
	Tái định cư phân tán phục vụ GPMB	xã Xuân Hồng	39	273	0,02	0,02																
	Tái định cư phân tán phục vụ GPMB	xã Xuân Hồng	39	276	0,02	0,02																
	Tái định cư phân tán phục vụ GPMB	xã Xuân Hồng	39	287	0,03	0,03																
	Tái định cư phân tán phục vụ GPMB	xã Xuân Hồng	46	45	0,05	0,05																
	Tái định cư phân tán phục vụ GPMB	xã Xuân Hồng	46	87, 88	0,13	0,13																
	Tái định cư phân tán phục vụ GPMB	xã Xuân Hồng	48	320	0,02	0,02																
	Tái định cư phân tán phục vụ GPMB	xã Xuân Hồng	49	51	0,03	0,03																
	Tái định cư phân tán phục vụ GPMB	xã Xuân Ngọc	14	74 - 76, 142	0,50	0,50																
	Tái định cư phân tán phục vụ GPMB	xã Xuân Phong	18	147, 149	0,08	0,06									0,01	0,01						
	Tái định cư phân tán phục vụ GPMB	xã Xuân Phong	6	1, 3	0,05	0,03									0,01	0,01						
	Đấu giá QSĐ để giao đất cho nhân dân làm nhà ở	xã Xuân Phương	8	282, 187	0,12	0,12																NQ CMĐ số 09/NQ-HĐND ngày 13/3/2024 của HĐND tỉnh
	Đấu giá QSĐ để giao đất cho nhân dân làm nhà ở	xã Xuân Tân	14	157	0,10	0,1																NQ CMĐ số 09/NQ-HĐND ngày 13/3/2024 của HĐND tỉnh
	Đấu giá QSĐ để giao đất cho nhân dân làm nhà ở	xã Xuân Thượng	10	37, 40 (213, 223)	0,02	0,02																NQ CMĐ số 61/NQ-HĐND ngày 21/12/2021 của HĐND tỉnh
	Tái định cư phân tán phục vụ GPMB	xã Xuân Phong	18	179	0,07								0,07									Phục vụ GPMB Đường cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng đoạn qua tỉnh Nam Định và Thái Bình
	Tái định cư phân tán phục vụ GPMB	xã Xuân Thủy	15	58	0,32						0,32											
	Huyện Giao Thủy				11,66	9,71					1,00				0,29	0,66						

Số TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Vị trí bản đồ địa chính																		Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Tổng diện tích	Sử dụng từ các loại đất															
						LUC	LUK	ONT	BHK	CLN	NTS	NTD	DGD	TMD	DGT	DTL	DCH	MNC	SKX	PNK	DNL	
	Dự án xây dựng khu dân cư tập trung xã Giao Long, huyện Giao Thuỷ	xã Giao Long	13; 20	Nhiều thửa	5,36	4,85									0,1	0,41					Được thông qua tại NQ số 60/NQ-HĐND ngày 02/12/2021 của HĐND tỉnh; NQ số 61/NQ-HĐND ngày 02/12/2021
	Dự án xây dựng khu dân cư tập trung xã Giao Hà, huyện Giao Thuỷ	xã Giao Hà	15;16	T15(28;56;57;74);(T16(29,31;32;35;40;114); đường, mương	4,99	4,55									0,19	0,25					NQ số 08/NQ-HĐND ngày 26/04/2022; NQ 136/NQ-HĐND ngày 09/12/2023 của HĐND tỉnh
	Đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở (Xóm 8 điểm số 1)	xã Bình Hoà	5	T5(116;298)	0,09	0,09															NQ 09/NQ-HĐND ngày 13/3/2024 của HĐND tỉnh
	Đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở (Xóm 8 điểm số 1)	xã Bình Hoà	22;23	34;38	0,06	0,06															NQ 09/NQ-HĐND ngày 13/3/2024 của HĐND tỉnh, giảm diện tích so với Nghị quyết HĐND vì không còn nhu cầu
	Đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở (Xóm 7)	xã Bình Hoà	9	100	0,02	0,02															NQ 09/NQ-HĐND ngày 13/3/2024 của HĐND tỉnh
	Đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở (Điểm số 6)	xã Bình Hoà	9;22	T9(96;56;100);T22(3)	0,08	0,08															NQ 09/NQ-HĐND ngày 13/3/2024 của HĐND tỉnh
	Đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở (Xóm 5)	xã Bình Hoà	25;29	T25(21);T29(108)	0,04	0,04															NQ 09/NQ-HĐND ngày 13/3/2024 của HĐND tỉnh
	Đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở (Xóm 1)	xã Bình Hoà	7	61	0,02	0,02															NQ 09/NQ-HĐND ngày 13/3/2024 của HĐND tỉnh
	Chuyển mục đích đất vườn ao trong khu dân cư thành đất ở	xã Giao Phong	Nhiều tờ	Nhiều thửa	1,00						1										
	Huyện Mỹ Lộc				10,83	9,63				0,01	0,67				0,16	0,16		0,20			
	Khu dân cư tập trung xã Mỹ Hưng	xã Mỹ Hưng	Nhiều tờ	Nhiều thửa	10,00	9,52					0,1				0,16	0,16		0,06			NQ30 ngày 09/4/2024
	Đấu giá quyền sử dụng đất	xã Mỹ Thắng	15	15,16,17,26,27	0,16					0,01	0,15										NQ110 ngày 09/12/2022
	Đấu giá quyền sử dụng đất	xã Mỹ Thuận	8	13, 16	0,15	0,07												0,08			NQ110 ngày 09/12/2022
	Đấu giá quyền sử dụng đất	xã Mỹ Thuận	26	16, 18, DGT	0,04	0,04															
	Đấu giá quyền sử dụng đất	xã Mỹ Thuận	27	1	0,06													0,06			NQ110 ngày 09/12/2022
	Đấu giá quyền sử dụng đất	xã Mỹ Trung ·	25	163	0,02						0,02										
	Đấu giá quyền sử dụng đất	xã Mỹ Trung ·	25	95	0,14						0,14										
	Đấu giá quyền sử dụng đất	xã Mỹ Trung ·	11	123	0,11						0,11										
	Đấu giá quyền sử dụng đất	xã Mỹ Trung ·	11	122	0,07						0,07										
	Đấu giá quyền sử dụng đất	xã Mỹ Trung ·	19	21	0,06						0,06										
	Đấu giá quyền sử dụng đất	xã Mỹ Trung ·	20	261	0,01						0,01										
	Đấu giá quyền sử dụng đất	xã Mỹ Trung ·	24	11	0,01						0,01										
	Thành phố Nam Định				1,50				0,20	0,80	0,50										
	Chuyển mục đích sang sử dụng đất vườn, ao trong khu dân cư sang đất ở	Các xã Nam Phong, Nam Vân, Lộc An	Nhiều tờ	Nhiều thửa	1,50				0,2	0,8	0,5										
3	**Đất giao thông**				**0,18**											**0,01**			**0,16**	**0,01**		
	Huyện Nam Trực				0,18											0,01			0,16	0,01		
	Dự án xây dựng tỉnh lộ 485B, đoạn từ đê tả sông Đào đến QL21B	xã Nam Giang			0,18											0,01			0,16	0,01		
4	**Đất cơ sở giáo dục, đào tạo**				**0,35**	**0,23**						**0,07**						**0,05**				
	Huyện Ý Yên				0,35	0,23						0,07						0,05				
	Mở rộng khuôn viên, xây dựng nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ trường THCS Yên Lương	xã Yên Lương	16 NĐ	74, 75, 76, 78	0,35	0,23						0,07						0,05				NQ 30, 31(09/4/2024)
5	**Đất thương mại dịch vụ**				**2,06**	**1,88**									**0,1**	**0,08**						

Số TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Vị trí bản đồ địa chính																		Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Tổng diện tích	Sử dụng từ các loại đất															
						LUC	LUK	ONT	BHK	CLN	NTS	NTD	DGD	TMD	DGT	DTL	DCH	MNC	SKX	PNK	DNL	
	Huyện Ý Yên				0,46	0,43									0,02	0,01						
	Dự án xây dựng khu dịch vụ và kinh doanh dịch vụ thương mại của công ty TNHH cơ khí đúc Thảo Hiền	Thị trấn Lâm	30, 27	1, 66, 67, 68	0,46	0,43									0,02	0,01						QĐ chủ trương số 736 ngày 01/4/2020
	Huyện Hải Hậu				0,55	0,55																
	Xây dựng cửa hàng xăng dầu và kinh doanh dịch vụ thương mại tổng hợp tại xã Hải Hưng	xã Hải Hưng	3	407	0,55	0,55																Thông báo số 201/TB-UBND ngày 21/8/2023 của UBND tỉnh đồng ý chủ trương
	Huyện Mỹ Lộc				1,05	0,9									0,08	0,07						
	Xây dựng cửa hàng kinh doanh xăng dầu, dịch vụ kho bãi, thương mại dịch vụ thơng mại tổng hợp tại thị trấn Mỹ Lộc của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng HDT	TT Mỹ Lộc	6	Nhiều thửa	1,05	0,9									0,08	0,07						Văn bản số 69/UBND-VP3 ngày 25/01/2022 của UBND tỉnh về việc nghiên cứu khảo sát lập thủ tục đầu tư Xây dựng cửa hàng kinh doanh xăng dầu, dịch vụ kho bãi, thương mại dịch vụ thơng mại tổng hợp tại thị trấn Mỹ Lộc
6	**Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp**				**0,8**	**0,7**									**0,05**	**0,05**						
	Huyện Ý Yên				**0,8**	**0,7**									**0,05**	**0,05**						
	Xưởng sản xuất kinh doanh đồ gỗ của công ty cổ phần mỹ nghệ và xây dựng Thịnh Phát.	xã Yên Ninh	27	44, 45	0,8	0,7									0,05	0,05						QĐ chủ trương số 2872 ngày 03/12/2020
7	**Đất nghĩa trang, nghĩa địa**				**0,15**	**0,15**																
	Huyện Nghĩa Hưng				0,15	0,15																
	Mở rộng nghĩa địa (vị trí 1)	xã Nghĩa Bình	6NĐ	83;84	0,12	0,12																
	Mở rộng nghĩa địa (vị trí 2)	xã Nghĩa Bình	6NĐ	80	0,03	0,03																
8	**Đất tín ngưỡng**				0,01						0,01											
	Huyện Xuân Trường				0,01						0,01											
	Đất tín ngưỡng	xã Xuân Hòa	15	78	0,01						0,01											
9	**Đất bãi thải, xử lý chất thải**				2,05	2,05																
	Huyện Mỹ Lộc				2,05	2,05																
	Dự án xây dựng khu xử lý rác thải tại Mỹ Thành	xã Mỹ Thành	Nhiều tờ	Nhiều Thửa	2,05	2,05																Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 20/5/2023
	Tổng				**110,42**	**97,80**	**0,24**	**0,42**	**0,47**	**1,61**	**3,49**	**0,07**	**0,11**	**0,10**	**1,63**	**1,83**		**2,40**	**0,16**	**0,08**	**0,01**	